

**THÔNG BÁO TUYỂN SINH
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2024**

1. THÔNG TIN CHUNG

- Tên trường: Trường Đại học Hải Dương. - Mã đăng ký tuyển sinh: DKT.

- Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước

- Địa chỉ:

+ Trụ sở chính (Cơ sở 1): Khu đô thị phía Nam, thành phố Hải Dương (xã Liên Hồng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương).

+ Cơ sở 2: Số 42, đường Nguyễn Thị Duệ và số 250 đường Nguyễn Lương Bằng, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

2. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

2.1. Đối tượng tuyển sinh

+ Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

+ Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

2.2. Ngành đào tạo, tổ hợp xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh và ngưỡng đảm bảo chất lượng

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Mã tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Ngưỡng đảm bảo chất lượng		
					Theo KQ thi TN THPT	Theo KQ học tập THPT	Xét tuyển kết hợp
2.2.1. Các ngành kinh tế, kỹ thuật, xã hội và nhân văn							
1	Kế toán	7340301	A00, A01, D01	112	15.0	15.5	18.5
2	Tài chính - Ngân hàng	7340201	A00, A01, D01	20	15.0	15.5	18.5
3	Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, D01	78	15.0	15.5	18.5
4	Quản trị văn phòng	7340406	A00, A01, D01, C00	40	15.0	15.5	18.5
5	Kỹ thuật điện	7520201	A00, A01, D01	78	15.0	15.5	18.5
6	Công nghệ thông tin	7480201	A00, A01, D01	78	15.0	15.5	18.5
7	Kinh tế	7310101	A00, A01, D01	20	15.0	15.5	18.5
8	Ngôn ngữ Anh	7220201	D01, D09, D10, A01	96	15.0	15.5	18.5
9	Marketing	7340115	A00, A01, D01	30	15.0	15.5	18.5
10	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302	A00, A01, D01	30	15.0	15.5	18.5

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Mã tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Ngưỡng đảm bảo chất lượng		
					Theo KQ thi TN THPT	Theo KQ học tập THPT	Xét tuyển kết hợp
11	Hỗ trợ Giáo dục Người khuyết tật	7760103	B03; C00; D01	45	15.0	15.5	18.5
2.2.2. Các ngành đào tạo giáo viên							
1	Sư phạm Toán học	7140209	A00, A01, A02, D01	120	Theo quy định của Bộ GD&ĐT	+ Học lực lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên hoặc Điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8.0 trở lên;	
2	Sư phạm Ngữ văn	7140217	C00, C03, D01, D14	120			
3	Sư phạm tiếng Anh	7140231	D01, D14, D15	120			
4	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247	A00, A02, B00; D01	30			
5	Giáo dục Mầm non (hệ ĐH)	7140201	C00; C19; C20; D01	80			
6	Giáo dục Tiểu học	7140202	A00, A01, C00, D01	380			
7	Sư phạm Lịch sử	7140218	C00, C03, D14	45			
8	Sư phạm Địa lí	7140219	D01; C00; C20; C04	45			
9	Giáo dục Chính trị	7140205	D01; C00; C14; C20	45			
11	Sư phạm Tin học	7140210	A00, A01, D01	45			
12	Giáo dục Thể chất	7140206	T00, T01, T02, T03	45			
13	Giáo dục Mầm non (hệ CĐ)	5140201	C00; C19; C20; D01	300			

2.3. Phương thức tuyển sinh

- **Phương thức 1: Xét tuyển thẳng:** Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- **Phương thức 2: Xét tuyển căn cứ kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024**

+ Thí sinh tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 và đã đăng ký sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT để xét tuyển;

+ **Đối với các ngành không thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên:** Tổng điểm các môn trong tổ hợp xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (khu vực, đối tượng) đạt 15.0 điểm trở lên.

+ **Đối với các nhóm ngành đào tạo giáo viên:** Ngưỡng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Điểm xét tuyển là tổng điểm các môn trong tổ hợp xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (nếu có).

Riêng đối với ngành Giáo dục Thể chất: Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển. Cụ thể: Xét điểm thi tốt nghiệp THPT các môn trong tổ hợp xét tuyển và điểm thi năng khiếu, cộng với điểm ưu tiên (nếu có).

+ Thứ tự xét tuyển điểm từ cao xuống thấp đến khi đảm bảo chỉ tiêu tuyển sinh.

- **Phương thức 3: Xét tuyển căn cứ kết quả học tập THPT**

+ **Đối với các ngành không thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên:** Tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 của các môn trong tổ hợp xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (khu vực, đối tượng) đạt 15.5 điểm trở lên.

+ **Đối với các nhóm ngành đào tạo giáo viên:** Học lực lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8.0 trở lên. Học lực lớp 12 xếp loại từ Khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên đối với ngành Giáo dục Thể chất, Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng.

Điểm xét tuyển là tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 của các môn trong tổ hợp xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (nếu có).

Riêng đối với ngành Giáo dục Thể chất: Kết hợp kết quả học tập THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển. Cụ thể: Xét kết quả học tập cả năm lớp 12 các môn trong tổ hợp xét tuyển và điểm thi năng khiếu, cộng với điểm ưu tiên (nếu có).

+ Thứ tự xét tuyển điểm từ cao xuống thấp đến khi đảm bảo chỉ tiêu tuyển sinh.

- **Phương thức 4: Xét tuyển kết hợp**

+ Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế xét tuyển thay thế môn tiếng Anh kết hợp điểm 02 môn thi tốt nghiệp THPT hoặc điểm 02 môn trung bình cả năm lớp 12 (theo các tổ hợp xét tuyển), cộng với điểm ưu tiên (nếu có)

+ Điều kiện nhận hồ sơ xét tuyển:

- ✓ Có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế đạt IELTS ≥ 5.5 hoặc TOEFL iBT ≥ 46 điểm hoặc TOEIC (4 kỹ năng L&R ≥ 785 , S ≥ 160 & W ≥ 150);
- ✓ Có điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2024.
- ✓ Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế phải còn hạn sử dụng tính tới thời điểm xét tuyển.

QUY ĐỔI ĐIỂM CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH QUỐC TẾ

Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế			Điểm quy đổi
IELTS	TOEFL iBT	TOEIC (L&R/S/W)	
5.5	46-59	785/160/150	8.5
6.0	60-78	840/160/160	9.0
6.5	79-93	890/170/170	9.5
≥ 7.0	94-101	945/180/180	10

- *Thi năng khiếu*

Ngành Giáo dục Thể chất: Nội dung thi năng khiếu gồm: Năng khiếu 1: Bật xa tại chỗ; Năng khiếu 2: Chạy 100m

2.4. Xét tuyển sớm

Nhà trường tổ chức, thực hiện việc xét tuyển sớm đối với phương thức tuyển sinh: Xét tuyển thẳng (PT1); Xét tuyển căn cứ kết quả học tập THPT (PT3); Xét tuyển kết hợp (PT4), áp dụng đối với các ngành thuộc lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, công nghệ, xã hội và nhân văn.

Học sinh nộp hồ sơ kết quả học tập cả năm lớp 12, ngay sau khi học chương trình giáo dục phổ thông, chưa cần kết quả thi tốt nghiệp. Căn cứ vào chỉ tiêu Nhà trường sẽ xét tuyển sớm và công bố trúng tuyển có điều kiện với thí sinh theo quy định.

Yêu cầu thí sinh phải đăng ký ngành học và nguyện vọng 1, lên hệ thống tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.5. Tổ chức tuyển sinh

2.5.1. Xét tuyển thẳng: Thời gian; hồ sơ; hình thức nhận ĐKXT; các điều kiện xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.5.2. Xét tuyển căn cứ kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024: Thời gian; hồ sơ; đăng ký xét tuyển trực tuyến theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.5.3. Xét tuyển căn cứ kết quả học tập THPT

Thí sinh đăng ký xét tuyển và nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường hoặc đăng ký xét tuyển trực tuyến tại trang website <http://tuyensinh.uhd.edu.vn>. Thí sinh đăng ký trực tuyến trên Cổng thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cổng dịch vụ công quốc gia.

- **Thời gian tuyển sinh:** Thực hiện liên tục nhiều đợt trong năm.

- **Hồ sơ xét tuyển gồm:**

- + *Phiếu đăng ký xét tuyển đại học, cao đẳng chính quy năm 2024 (theo Mẫu 01a và 01b).*
- + *Học bạ THPT (Bản chứng thực).*
- + *Bằng tốt nghiệp THPT (Bản chứng thực) hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2024.*
- + *Giấy khai sinh (Bản chứng thực)*
- + *Căn cước công dân (Bản chứng thực)*
- + *Giấy tờ ưu tiên (Bản chứng thực- nếu có).*

2.5.4. Xét tuyển kết hợp: Hình thức nhận ĐKXT, Lịch tuyển sinh, Hồ sơ xét tuyển tương tự như Mục 2.5.3. Thí sinh bổ sung thêm 01 photo chứng thực: Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT, Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.

2.5.5. Thời gian thi năng khiếu: Có thông báo cụ thể riêng

2.6. Lệ phí xét tuyển và thi năng khiếu:

- Lệ phí xét tuyển: 20.000 đồng/nguyên vọng.

- Lệ phí thi năng khiếu: 300.000 đồng/thí sinh.

3. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON ĐỐI VỚI NGƯỜI TỐT NGHIỆP TỪ TRUNG CẤP TRỞ LÊN (liên thông chính quy)

3.1. Ngành đào tạo, tổ hợp xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh và đối tượng tuyển sinh

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Mã tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Đối tượng tuyển sinh
1.	Kế toán	7340301	A00, A01, D01	28	Thí sinh đã tốt nghiệp: THPT hoặc tương đương, có bằng tốt nghiệp (hoặc đã được quyết định công nhận tốt nghiệp) trung cấp/cao đẳng/đại học
2.	Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, D01	18	
3.	Quản trị văn phòng	7340406	A00, A01, D01, C00	10	
4.	Kỹ thuật điện	7520201	A00, A01, D01	18	
5.	Công nghệ thông tin	7480201	A00, A01, D01	18	
6.	Ngôn ngữ Anh	7220201	D01, D09, D10, A01	24	
7	Giáo dục Mầm non (hệ Cao đẳng)	5140201	C00; C19; C20; D01	50	<p>Áp dụng một trong các tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Học lực lớp 12 xếp loại Khá trở lên + Điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên + Học lực lớp 12 xếp loại TB trở lên đối với những người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp su phạm trở lên. + Đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật đối với những người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp su phạm trở lên, trước ngày 07 tháng 5 năm 2020.

3.2. Phương thức tuyển sinh

3.2.1. Đối với tuyển sinh đại học chính quy

- **Phương thức 1:** Xét tuyển căn cứ kết quả học tập (bảng điểm) trung cấp/cao đẳng/đại học của thí sinh. Xét theo kết quả học tập điểm trung bình chung toàn khóa trình độ trung cấp/cao đẳng/đại học.

- **Phương thức 2:** Xét tuyển căn cứ kết quả học tập THPT

Xét theo kết quả học tập theo tổ hợp xét tuyển điểm trung bình cả năm lớp 12 hoặc theo kết quả học tập khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật đối với người có bằng trung cấp cộng với điểm ưu tiên (nếu có).

3.2.2. Đối với tuyển sinh cao đẳng chính quy ngành Giáo dục Mầm non

- **Phương thức 1:** Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Theo Khoản 1, khoản 2, khoản 3, Điều 8 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022.)

Thí sinh có bằng trung cấp ngành sư phạm loại giỏi trở lên, hoặc có bằng trung cấp ngành sư phạm loại khá và có ít nhất 02 năm làm việc đúng ngành được xét tuyển thẳng vào ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng.

- **Phương thức 2:** Kết hợp kết quả học tập THPT

Xét kết quả học tập theo tổ hợp xét tuyển điểm trung bình cả năm lớp 12 hoặc theo kết quả học tập khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật đối với người có bằng trung cấp cộng với điểm ưu tiên (nếu có).

- **Phương thức 3:** Xét tuyển căn cứ kết quả học tập (bảng điểm) trung cấp/cao đẳng/đại học của thí sinh. Xét theo kết quả học tập điểm trung bình chung toàn khóa trình độ trung cấp/cao đẳng/đại học.

3.3. Tổ chức tuyển sinh

- **Thời gian tuyển sinh:** Thực hiện liên tục nhiều đợt trong năm.

- **Hồ sơ xét tuyển gồm:**

+ **Phiếu đăng ký xét trình độ đại học chính quy năm 2024 dùng cho người tốt nghiệp từ trung cấp trở lên (theo mẫu tại Mẫu 02a và 02b)**

+ **Học bạ THPT (Bản photo chứng thực - áp dụng với phương thức xét tuyển căn cứ kết quả học tập THPT).**

+ **Bằng tốt nghiệp THPT (Bản chứng thực)**

+ **Bằng tốt nghiệp trung cấp/cao đẳng/đại học (Bản chứng thực)**

+ **Bảng điểm trung cấp/cao đẳng/đại học (Bản chứng thực)**

+ **Chứng chỉ Giáo dục thể chất (Bản chứng thực - nếu có)**

+ **Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh (Bản chứng thực - nếu có)**

+ **Giấy khai sinh (Bản chứng thực)**

+ **Căn cước công dân (Bản chứng thực)**

+ **Các giấy tờ ưu tiên (Bản chứng thực - nếu có)**

* **Lưu ý:** Thí sinh nộp kèm bằng tốt nghiệp và bảng điểm ở các bậc học khác (nếu có) để được xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ.

3.4. Lệ phí

- Lệ phí xét tuyển theo quy định hiện hành: 20.000 đồng/nguyên vọng.

- Lệ phí xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ: 200.000 đồng/bậc/ngành.

4. TUYỂN SINH VỪA LÀM VỪA HỌC

4.1. Đối tượng tuyển sinh

Người có một trong các điều kiện dưới đây:

- Đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương.

- Đã có bằng hoặc công nhận tốt nghiệp trung cấp trở lên. Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT, đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

4.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước

4.3. Phương thức, điều kiện, ngưỡng đầu vào trong tuyển sinh

Áp dụng tương tự như tuyển sinh chính quy trình độ đại học, cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non đối với tuyển sinh vừa làm vừa học áp dụng cho người học tốt nghiệp trung học phổ thông và tương đương hoặc người học đã tốt nghiệp từ trung cấp trở lên.

4.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến		
			Tổng chỉ tiêu dự kiến	Vừa làm vừa học	Liên thông vừa làm vừa học
1	Kế toán	7340301	25	20	5
2	Quản trị kinh doanh	7340101	25	20	5
3	Quản trị văn phòng	7340406	25	20	5
3	Kỹ thuật điện	7520201	25	20	5
4	Công nghệ thông tin	7480201	25	20	5
5	Ngôn ngữ Anh	7220201	50	40	10
6	Sư phạm Toán học	7140209	25	25	
7	Sư phạm Ngữ văn	7140217	25	25	
8	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	25	25	
9	Giáo dục Mầm non (trình độ ĐH)	7140201	25	25	
10	Giáo dục Tiểu học	7140202	25	25	
11	Sư phạm Lịch sử	7140218	25	25	
12	Giáo dục Thể chất	7140206	25	25	
13	Sư phạm Địa lí	7140219	25	25	
14	Giáo dục Chính trị	7140205	25	25	
15	Sư phạm Tin học	7140210	25	25	
16	Giáo dục Mầm non (trình độ CĐ)	51140201	242	202	40

5. ĐỊA ĐIỂM LIÊN HỆ VÀ TIẾP NHẬN HỒ SƠ TUYỂN SINH

- Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế (số 42, đường Nguyễn Thị Duệ, phường Thanh Bình, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương)

- Điện thoại: 02203.890.025; 0974121838 (Lương Thế Dũng), 0963368899 (Nguyễn Thị Kim Thoa).

- Website: <http://uhd.edu.vn>, Mục Tuyển sinh

- Fanpage: <https://www.facebook.com/Daihochaiduong2022> (Trường Đại học Hải Dương)

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Hội đồng trường;
- Ban Giám hiệu;
- Các Phòng, Khoa, Trung tâm;
- Các trường thực hành sư phạm;
- Đăng trên Website Nhà trường;
- Lưu: VT, Phòng ĐT- HTQT (3).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
HẢI DƯƠNG
TS. Nguyễn Văn Quyền

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG CHÍNH QUY NĂM 2024
(Đối với người tốt nghiệp từ trung cấp trở lên)

Kính gửi: Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Hải Dương.

A. THÔNG TIN THÍ SINH

1. Họ và tên: Nam/Nữ:
2. Ngày, tháng, năm sinh: Nơi sinh:
3. Căn cước công dân: Dân tộc:
4. Địa chỉ liên lạc:
5. Điện thoại liên lạc: Email:
6. Hộ khẩu thường trú: (Ghi rõ số nhà, đường, phố, thôn, xã, (phường), huyện (quận, thị xã, thành phố), tỉnh)
7. Thuộc khu vực: (thuộc khu vực nào thì khoanh tròn vào khu vực đó) KV1, KV2-NT, KV2, KV3.
8. Thuộc đối tượng ưu tiên: (thuộc ĐTƯT nào thì khoanh tròn vào ĐTƯT đó) 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07.

Mã tỉnh Mã trường

- Tên trường THPT (học lớp 12):

B. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

Sau khi nghiên cứu và tìm hiểu rõ các quy định về tiêu chí, điều kiện xét tuyển của Nhà trường. Tôi đăng ký xét tuyển trình độ đại học chính quy đối với người tốt nghiệp (ghi rõ TC/CD hoặc DH)

Ngành: Mã ngành:

- Đăng ký theo phương thức xét tuyển căn cứ kết quả học tập (bảng điểm) TC/CD/DH:

Điểm trung bình chung tích lũy (trung bình chung học tập) đạt: (theo trình độ cao nhất)

- Đăng ký theo phương thức căn cứ kết quả học tập THPT:

Tổ hợp xét tuyển: Điểm trung bình cả năm lớp 12 của các môn trong tổ hợp xét tuyển:

Môn 1:	Môn 2:	Môn 3:	Tổng điểm

C. THÔNG TIN TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP, CAO ĐẲNG, ĐẠI HỌC

Tên trường	Ngành học	Trình độ

D. THÔNG TIN GỬI GIẤY BÁO KẾT QUẢ TRÚNG TUYỂN

Họ tên người nhận: Số điện thoại:

Địa chỉ:

Tôi xin cam đoan những lời khai của tôi trên phiếu đăng ký này hoàn toàn là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo Quy chế tuyển sinh hiện hành./.

Hải Dương, ngày tháng năm 2024

Cán bộ nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Chữ ký của thí sinh
(Ký và ghi rõ họ tên)

- Ghi chú: Thí sinh nộp kèm 01 bản photo chứng thực các giấy tờ: bằng tốt nghiệp THPT, học bạ THPT (đối với xét tuyển theo kết quả học tập THPT), bằng tốt nghiệp trung cấp/cao đẳng/đại học, bảng điểm trung cấp/cao đẳng/đại học, Chứng chỉ GDTC, GDQP-AN (nếu có), 01 CCCD, giấy tờ ưu tiên (nếu có); 01 bản photo chứng thực giấy khai sinh.

